

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày 19-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền - Phó hiệu trưởng Trường tiểu học Kim Ngọc, huyện B, tỉnh H

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên - Chủ tịch MTTQ huyện B, tỉnh H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS, ngày 28/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

- Nguyễn Đức C, sinh ngày 21/05/1969, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 đã ly hôn năm 1994; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1990 và con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/06/1999 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tuyên phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/04/2021 "có mặt".

- Bị hại: Bà Lại Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh H "có mặt".

- Người làm chứng:

- + Cháu Lại Như Q, sinh năm 2008; người đại diện hợp pháp cho cháu Lại Như Q là anh Lại Tiến C, sinh năm 1985 "vắng mặt"
- + Ông Lại Văn T, sinh năm 1964 "vắng mặt"
- + Bà Ngô Thị C, sinh năm 1963 "có mặt"
- + Anh Lại Tiến C, sinh năm 1985 "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lại Thị T và bị cáo Nguyễn Đức C quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, tại nhà bà T thuộc tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh H nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, được khoảng 10 năm đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được vấn đề tài chính nên dẫn đến xô sát, cãi vã nhau. Đến cuối năm 2019, cả hai thống nhất chia tay nhau. Sau khi chia tay, do lo sợ bị C đe dọa nên bà T đã không ở căn nhà tại tổ 7, thị trấn V mà chuyển đến sinh sống tại nhà các anh chị em của mình, còn C cũng bỏ đi, chỉ thỉnh thoảng mới quay về nhưng không nói cho bà T và ai biết. Đến khoảng 13 giờ ngày 31/10/2020, bà T cùng cháu họ mình là Lại Như Q - SN: 2008 (*ông nội của cháu Q là anh trai ruột của T*) đi đến căn nhà cũ của T ở tổ 7, thị trấn V, huyện B để thắp hương ngày rằm (*15/9/2020 âm lịch*). Khi vào nhà, T chuẩn bị đồ lễ để thắp hương, còn Q ngồi ở đầu giường ở gian phòng khách xem điện thoại, cách vị trí T đứng khoảng 2,7m. Khi T đang khấn vái tổ tiên, Q nhìn thấy Nguyễn Đức C đi từ phía ngoài cửa chính đi vào, trên tay trái C cầm 01 (*một*) con dao nhọn có chiều dài cả chuôi 45cm, chuôi dao làm bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại có một cạnh sắc, phần rộng nhất của dao 05cm và một cán nhựa 5 lít màu vàng, nắp xanh, bên trong chứa chất lỏng sấp xỉ vạch số 5 nghi là xăng (*do C bị cắt tay phải nên chỉ sử dụng tay trái*). Khi bước vào đến cửa nhà, C nhìn thấy bà T đang khấn vái thắp hương tổ tiên ở bàn thờ đối diện với cửa ra vào, C đặt cán nhựa màu vàng xuống nền nhà ngay gần cửa ra vào giáp với cửa buồng ngủ thì Q đang ngồi ở giường nói "*bà T ơi ông C*". Nghe thấy Q nói vậy, bà T quay mặt lại theo hướng từ phải sang trái thì bất ngờ bị C dùng tay trái cầm dao nhọn đâm một phát trúng vào vùng hạ sườn bên phải của bà T, ngay lúc đó bà T dùng tay phải nắm vào lưỡi dao nhọn, tay trái nắm vào phần chuôi dao giằng co con dao với C từ trong nhà ra đến ngoài hiên nhà khiến T bị lưỡi dao làm rách da ở ngón 3, 4, 5 bàn tay phải. Khi giằng được con dao thì T cầm theo dao chạy ra đến ao ngay gần đường vào nhà thì bị ngã xuống ao, còn cháu Q đi gọi người về cứu giúp và đưa T đến nhà ông Lại Văn T để sơ cứu vết thương, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang để cấp cứu. Khi đến gần nhà ông T, T bỏ lại con dao ngay cạnh đường. Đối với Nguyễn Đức C, sau khi đâm bà T bị thương, C định vào nhà nhưng do lo sợ bị bắt nên đã bỏ trốn khỏi hiện trường.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan CSĐT công an huyện Bắc Quang đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang cùng các cơ quan chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường, thu giữ và niêm phong tại hiện trường các đồ vật gồm 01 (một) can nhựa màu vàng, nắp màu xanh có dung tích 5 lít, bên trong chứa chất lỏng nghi là xăng; 01 con dao nhọn, chuôi dao làm bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại có một cạnh sắc có chiều dài cả chuôi 45cm (bốn mươi lăm centimet), phần rộng nhất của dao 05cm (năm centimet); vết màu nâu đỏ nghi là máu thu giữ tại hiện trường để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 14/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN số 199, trưng cầu Viện pháp y Quốc gia giám định vật chứng dao nhọn mà Nguyễn Đức C sử dụng để gây thương tích cho Thu (ký hiệu A1) có máu người không? Có trùng khớp với vết màu nâu đỏ thu giữ tại hiện trường (ký hiệu A2) và có trùng khớp với Gen (ADN) của Lại Thị T (ký hiệu M1) không?

Ngày 16/11/2020, Viện pháp y Quốc gia ban hành Kết luận giám định số 422/20/TC-ADN, kết luận:

- *Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên mẫu ký hiệu A1, A2: Dương tính.*

- *ADN thu được trên mẫu vật thu giữ ký hiệu A1 trùng khớp hoàn toàn với ADN của Lại Thị T (ký hiệu M1).*

- *Không thu giữ đủ liệu ADN đầy đủ từ mẫu vật ký hiệu A2 (do mẫu đã bị phân hủy) nên không thể so sánh với ADN của Lại Thị T ký hiệu M1 và ADN thu từ mẫu vật thu giữ ký hiệu A1.*

Ngày 30/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 216, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang giám định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe đối với Lại Thị T; xác định cơ chế hình thành vết thương và vật gây thương tích.

Ngày 09/12/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang ban hành Kết luận giám định số 168/TgT, kết luận:

+ *Phẫu thuật thăm dò ổ bụng không phải can thiệp vào các cơ quan phủ tạng 11%.*

+ *Sẹo 01: Vùng hạ sườn phải, kích thước trung bình: 02%*

+ *Sẹo 02: Vùng hạ vị bên phải, kích thước trung bình 02%*

+ *Sẹo 03 (sẹo dẫn lưu): Vùng hố chậu phải, kích thước nhỏ 01%*

+ *Sẹo 04 (sẹo dẫn lưu): Cạnh đường trắng giữa, kích thước nhỏ 01 %*

+ *Sẹo 05: Mặt trong, đốt 3, ngón 3 bàn tay phải, kích thước nhỏ 01 %*

+ *Sẹo 06: Mặt trong, đốt 2, ngón 4 bàn tay phải, kích thước nhỏ 01 %*

+ Sẹo 07: Mặt trong, đốt 3, ngón 5 bàn tay phải, kích thước nhỏ 01 %

- Cơ chế và vật gây thương tích:

+ Sẹo 01: do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp một lực vừa, hướng vuông góc với trục cơ thể gây nên rách da, không tổn thương các tạng trong ổ bụng.

+ Sẹo 02: do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp một lực mạnh, hướng vuông góc với trục cơ thể gây nên vết thương thấu bụng, không tổn thương các tạng trong ổ bụng.

+ Sẹo 03, 04: là sẹo phẫu thuật dẫn lưu ổ bụng

+ Sẹo 5, 6, 7: Do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây nên rách da, tổ chức gân cơ, để lại sẹo.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lại Thị T tại thời điểm giám định là 19% (mười chín phần trăm).

Bản cáo trạng số: 31/CT-VKSBQ ngày 28/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Đức C về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự và án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H, bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận: Do có mâu thuẫn trong quá trình chung sống cùng nhau nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/10/2020, tại nhà của bị hại Lại Thị T thuộc tổ 7 thị trấn V, huyện B, tỉnh H, bị cáo Nguyễn Đức C có hành vi tay trái dùng con dao nhọn đâm một phát trúng vào vùng hạ sườn bên phải bị hại Lại Thị T, bị hại T dùng tay phải nắm vào lưỡi dao nhọn, tay trái nắm vào phần chuôi dao giằng co dao với bị cáo khiến bị lưỡi dao làm rách da ở ngón tay 3,4,5. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức C gây thương tích cho bị hại Lại Thị T với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 19%. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với Bệnh án, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, Kết luận giám định AND, Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra, Sơ đồ thực nghiệm điều tra, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Biên bản nhận dạng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX kết luận bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích là 19% là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức C là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã có một tiền án, tuy đã được xóa án tích nhưng cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo cũng đã tác động thân nhân nộp được một phần tiền bồi thường thiệt hại cho bị cáo, bị cáo ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trước phiên tòa, bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, theo đó bị cáo Nguyễn Đức C bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lại Thị T với tổng số tiền là 39.450.000đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), con của bị cáo là anh Nguyễn Văn Liệu đã bồi thường thay cho bị cáo là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 37.450.000đ (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), được thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền anh Nguyễn Văn Liệu đã nộp thay bị cáo để đảm bảo thi hành án là 1.000.000 (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu số: 04054 ngày 19/7/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh H. Xét thấy bị cáo và bị hại thỏa thuận về bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với con dao của bị cáo Nguyễn Đức C, túi, quần áo của bị hại Lại Thị T đều đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức C còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận nên bị cáo, bị hại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Tội cố ý gây thương tích”.
2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 20/4/2021).
3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao nhọn, 01 (một) áo vải cộc tay, 01 (một) quần dài vải, 01 (một) túi vải.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 01/6/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, theo đó bị cáo Nguyễn Đức C bồi thường thiệt hại cho bị hại Lại Thị T với tổng số tiền là 39.450.000đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), con của bị cáo là anh Nguyễn Văn L đã bồi thường thay cho bị cáo là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 37.450.000đ (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), được thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền anh Nguyễn Văn L đã nộp thay bị cáo để đảm bảo thi hành án là 1.000.000 (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu số: 04054 ngày 19/7/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Cơ quan Công an huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

